

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ZHONG JIAO
(CHUNG KIỀU)

NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG NGỮ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ
Ở VIỆT NAM (CÓ LIÊN HỆ VỚI TIẾNG HÀ NHÌ
Ở TRUNG QUỐC)

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Chuyên ngành: Ngôn ngữ các DTTS Việt Nam

Mã số: 62220109

Hà Nội – 2024

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trần Trí Dõi

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện độc lập 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở
đào tạo học tại:
vào hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Dựa vào kết quả nghiên cứu hiện có, chúng ta biết chắc chắn rằng người Hà Nhì Việt Nam không chỉ cùng một nguồn gốc với người Hà Nhì ở Trung Quốc mà người Hà Nhì ở Việt Nam vốn có quê hương ở tỉnh Vân Nam Trung Quốc, mới di cư đến Việt Nam cách đây khoảng 300 năm. Đây là lý do cơ bản thúc đẩy chúng tôi nghiên cứu tiếng Hà Nhì ở Việt Nam để qua đó góp phần cung cấp những hiểu biết về một bức tranh toàn cảnh của tiếng Hà Nhì và người Hà Nhì trong khu vực nam Trung Quốc và Đông Nam Á.

1.2. Cho đến nay tiếng Hà Nhì Việt Nam chỉ được giới thiệu sơ lược về ngữ âm trong một vài bài báo và được miêu tả trong một cuốn sách về một thổ ngữ. Cho nên việc tiếp tục nghiên cứu ngữ âm tiếng Hà Nhì ở những thổ ngữ khác nhau là mong muốn có được một bức tranh toàn cảnh về tiếng Hà Nhì ở Việt Nam giúp ích cho việc nghiên cứu tiếng Hà Nhì trong khu vực.

1.3 Những người Hà Nhì sinh sống ở huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu ở Việt Nam được cho là từ huyện Kim Bình và huyện Lục Xuân di cư đến. Ở Trung Quốc, tiếng Hà Nhì Đại Trại huyện Lục Xuân được coi như là tiếng tiêu chuẩn của tiếng Hà Nhì ở Vân Nam. Đó chính là lý do chúng tôi lựa chọn để so sánh giữa tiếng Hà Nhì Thu Lũm với tiếng Hà Nhì ở Đại Trại, huyện Lục Xuân^①.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu. Mục đích nghiên cứu của luận án là

^① Trong luận án chúng tôi dùng thuật ngữ “tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm” hay “tiếng Hà Nhì Đại Trại” để chỉ tiếng địa phương của ngôn ngữ (language) Hà Nhì ở Việt Nam hoặc Trung Quốc. Vì thế, tổ hợp thuật ngữ này chỉ có nội hàm là tiếng địa phương hay thổ ngữ của ngôn ngữ Hà Nhì. Sở dĩ chúng tôi chưa dùng thuật ngữ “thổ ngữ” hay “phương ngữ” để gọi tên cho những địa danh đó là vì ở Việt Nam đây là một vấn đề phải còn tiếp tục được nghiên cứu và thảo luận khi nghiên cứu tiếng Hà Nhì trong khu vực.

tìm hiểu ngữ âm tiếng Hà Nhì Việt Nam ở thổ ngữ Thu Lũm, qua đó cung cấp ngữ liệu để góp phần so sánh với tiếng Hà Nhì ở Trung Quốc.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu. Luận án tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau đây. 1) Tổng quan về tình hình nghiên cứu tiếng Hà Nhì ở Việt Nam và ngoài Việt Nam, qua đó xác định hướng nghiên cứu, phương pháp, cách tiếp cận. 2) Khảo sát, điền dã thực tế và thu thập ngữ liệu về tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu. 3) Miêu tả hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu theo các tiêu chí khu biệt phụ âm, nguyên âm và thanh điệu; trong điều kiện cho phép liên hệ với thổ ngữ Mù Cạ. Đây được coi là nhiệm vụ. là nội dung chính của luận án. 4) Bước đầu đối chiếu hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu Việt Nam với tiếng Hà Nhì Đại Trại huyện Lục Xuân tỉnh Vân Nam Trung Quốc.

3. Đối tượng và câu hỏi nghiên cứu của luận án

3.1 Đối tượng chính trong nghiên cứu của luận án là tiếng Hà Nhì thổ ngữ Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu ở Việt Nam.

3.2 Nội dung nghiên cứu của luận án là miêu tả ở các yếu tố ngữ âm cấu thành âm tiết (gồm các âm vị phụ âm, nguyên âm và thanh điệu) trong hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu Việt Nam. Trên cơ sở đó, dựa vào kết quả nghiên cứu tiếng Hà Nhì ở Đại Trại của học giả Trung Quốc, luận án bước đầu nêu lên những nhận xét về sự giống nhau hay khác nhau giữa hai thổ ngữ của tiếng Hà Nhì ở hai quốc gia. Với hai nội dung nghiên cứu đó, luận án trên thực tế là nhằm góp phần trả lời cho câu hỏi nghiên cứu “tiếng Hà Nhì ở Việt Nam và tiếng Hà Nhì ở Trung Quốc có những sự giống nhau hay khác nhau như thế nào về

các đơn vị ngữ âm?” trong môi trường hay cảnh hưởng ngôn ngữ khác nhau.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1 Phương pháp điền dã ngôn ngữ học.

4.1.1. Đây là phương pháp đầu tiên được sử dụng trong khi thực hiện luận án. Địa bàn nghiên cứu được chọn lấy mẫu là xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu. Khi thu thập ngữ liệu chúng tôi dùng phương pháp phỏng vấn quan sát trực tiếp và ghi âm bằng máy ghi âm, sau đó ghi chép lại dưới dạng phiên âm quốc tế (IPA) trên cơ sở cảm nhận bằng thính giác của người nghiên cứu. Khi ghi âm, chúng tôi sử dụng danh mục từ có trong “Đề cương điều tra từ vựng ngôn ngữ Tạng - Miến” được giới học thuật Trung Quốc công nhận để trên cơ sở đó thu thập từ ngữ tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm. Lượng từ ngữ mà chúng tôi thu thập được 2462 từ, thuộc vào 17 chủ đề như thiên văn, địa lý, giao thông, kiến trúc, đồ vật, hành động, tính chất, hư từ...v.v^①; theo chúng tôi, về thông lệ số lượng đó là tương đối đủ để phân tích ngữ âm của một thổ ngữ.

4.1.2. Trong luận án này, khi thu thập tư liệu để miêu tả, chúng tôi đã sử dụng cách thức thu thập tư liệu theo quy định của địa phương như sau.

- Tháng 12 năm 2018, người hướng dẫn và tôi với sự giới thiệu của cơ sở đào tạo đã đi đến thành phố Lai Châu xin phép chính quyền địa phương thực hiện điền dã thực tế để thu thập tư liệu ngữ âm. Sau khi được địa phương đồng ý và hướng dẫn địa bàn cũng như

^① Khi thực hiện điều tra điền dã tiếng Hà Nhì Thu Lũm, chúng tôi đã thực hiện đúng những quy định của Nhà nước Việt Nam đối với người nước ngoài đi nghiên cứu thực địa tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, giống như cách mà nhóm Tạ Văn Thông và J. Edmondson đã làm việc. Nhân đây, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn của chúng tôi đối với chị Lâm, một cán bộ địa phương, đã giúp đỡ hướng dẫn và tạo điều kiện để chúng tôi thực hiện việc nghiên cứu tại địa bàn.

cách thức thu thập tư liệu, nghiên cứu sinh dựa vào “Đề cương điều tra từ vựng ngôn ngữ Tạng - Miến” do giới học giả ngôn ngữ học Trung Quốc soạn thảo đã tiến hành ghi âm bằng phần mềm Speech Recorder của máy ghi âm.

Những tư liệu ngữ âm tiếng Hà Nhì xã Thu Lũm chủ yếu được 2 công tác viên cung cấp. Công tác viên thứ nhất là ông Lò Xá Cà, nam, sinh năm 1964, quê quán là xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu. Nhờ được nhận diện là người nói tiếng mẹ đẻ tiêu biểu, ông đã được chọn là phát thanh viên tiếng Hà Nhì của Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Lai Châu; do đó hiện nay ông đang cư trú ở thành phố Lai Châu. Công tác viên thứ hai là ông Vạn Minh Châu, nam, sinh năm 1953, trước đây ông sinh sống và lớn lên ở xã Thu Lũm. Năm 1978 chuyển đến nơi hiện nay là thành phố Lai Châu, do đó hiện nay ông cư trú ở số nhà 200 đường Nguyễn Văn Đạn thành phố Lai Châu.

- Ngoài tư liệu do thu thập trên cơ sở nghiên cứu tại địa bàn Lai Châu, chúng tôi cũng đã tập hợp những tư liệu ngôn ngữ học có thể giúp ích cho việc phân tích nghiên cứu hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở Việt Nam và Trung Quốc. Cụ thể, về hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở xã Mù Cả huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu Việt Nam, chúng tôi tập hợp từ chuyên luận *Tiếng Hà Nhì* (2001) của Tạ Văn Thông - Lê Đông. Còn về hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì Đại Trại huyện Lục Xuân tỉnh Vân Nam Trung Quốc, chúng tôi tham khảo những công trình đã xuất bản ở Trung Quốc như *Khái luận tiếng Hà Nhì* (1995) của Đới Khánh Hạ và Đoạn Huống Lạc, *Giới thiệu tiếng Hà Nhì* (1986) của Lý Vĩnh Đoài, *Ngữ pháp tiếng Hà Nhì* (1990) của Vương Nhĩ Tùng, *Nghiên cứu tiếng Hà Nhì* (2011) của Lý Trạch Nhiên và đặc biệt là *Từ điển Hán - Hà Nhì* (2000) do các tác giả Đới

Khánh Hạ, Đoàn Huống Lạc, La Văn Thư, Lý Phê Nhiên biên soạn.

4.2 Phương pháp miêu tả. Trong luận án này, chúng tôi sử dụng phương pháp miêu tả ngữ âm đồng đại để miêu tả các âm vị phụ âm, nguyên âm và thanh điệu theo tiêu chí khu biệt để xác lập hệ thống ngữ âm và danh sách âm vị của tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm theo cách phân xuất các âm vị bằng bối cảnh ngữ âm đồng nhất. Sau những miêu tả về tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm, trong một số trường hợp cần thiết, luận án có thực hiện việc liên hệ với tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Mù Cả, là thổ ngữ tiếng Hà Nhì đã được miêu tả ở Việt Nam. Việc liên hệ giữa tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Mù Cả với thổ ngữ tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm, trong một chừng mực nhất định, sẽ giúp chúng tôi nhìn nhận về hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì đầy đủ hơn.

4.3. Thủ pháp so sánh - đối chiếu. Đây là thủ pháp trước hết dùng để liên hệ giữa hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở xã Thu Lũm mà chúng tôi thực hiện nghiên cứu với hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì ở xã Mù Cả do Tạ Văn Thông và Lê Đông nghiên cứu đã được công bố. Nhưng thủ pháp này là thao tác để giúp chúng tôi nhận diện những tương đồng và khác biệt giữa hai thổ ngữ Hà Nhì ở Thu Lũm và ngữ âm tiếng Hà Nhì ở Đại Trại huyện Lục Xuân tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Trên cơ sở nhận diện sự giống nhau và khác nhau giữa hai thổ ngữ, luận án sẽ bước đầu trình bày những nhận xét để góp phần làm sáng rõ quan hệ tương ứng giữa hai thổ ngữ.

4.4 Thủ pháp thống kê. Trong luận án, chúng tôi sử dụng phần mềm Excel để thống kê từ ngữ khi cần thiết trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm, Mù Cả và tiếng Hà Nhì Đại Trại. Chúng tôi thấy rằng thủ pháp thống kê trên phần mềm Excel có thể đảm bảo tính chuẩn xác của số liệu thu thập và giúp nhận biết những tương đồng và khác biệt trong tư liệu một cách cụ thể hơn. Tư liệu trong danh sách thống kê này,

theo chúng tôi, rất hữu ích cho những nghiên cứu tiếng Hà Nhì trong khu vực.

5. Ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn và cái mới của luận án

Đây là đề tài đầu tiên nghiên cứu ngữ âm tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu Việt Nam. Đồng thời, trên cơ sở liên hệ giữa tiếng Hà Nhì Thu Lũm với tiếng Hà Nhì ở Đại Trại huyện Lục Xuân châu Hồng Hà tỉnh Vân Nam Trung Quốc, lần đầu tiên chúng ta có được sự so sánh đối chiếu về những thổ ngữ Hà Nhì ở Việt Nam và Trung Quốc.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể cung cấp những tài liệu hết sức quý giá cho những người làm công tác ngôn ngữ dân tộc ở hai nước Việt - Trung để từ đó tìm hiểu và phát triển lý luận về ảnh hưởng của cảnh huống ngôn ngữ khác nhau đối với những thổ ngữ khác nhau trong quá trình phát triển ngôn ngữ. Kết quả nghiên cứu sẽ có giá trị ngôn ngữ học trong việc góp phần bảo tồn và phát triển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc. Đồng thời kết quả nghiên cứu của luận án cũng có thể trở thành nguồn tài liệu tham khảo trong việc xây dựng chính sách ngôn ngữ - văn hóa tộc người ở hai quốc gia là Việt Nam và Trung Quốc.

6. Bố cục của luận án.

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phần tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm ba chương sau:

Chương 1: Tổng quan về cộng đồng tộc người Hà Nhì và cơ sở lý luận trong tác nghiệp của luận án

Chương 2: Âm tiết và hệ thống phụ âm tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu.

Chương 3: Hệ thống nguyên âm và thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ CỘNG ĐỒNG TỘC NGƯỜI HÀ NHÌ VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN TRONG TÁC NGHIỆP CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan về người Hà Nhì và tình hình nghiên cứu tiếng Hà Nhì

1.1.1. Tổng quan về người Hà Nhì ở Việt Nam và Trung Quốc

1.1.1.1. Giới thiệu chung về người Hà Nhì ở Việt Nam

Ở Việt Nam, dân tộc Hà Nhì là một trong sáu dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến, có dân số 25.539 người (số liệu Tổng điều tra dân số năm 2019), cư trú thành từng bản riêng dọc theo đường biên giới Việt - Trung từ Lào Cai đến Điện Biên.

Dựa vào địa điểm cư trú, chia cộng đồng người Hà Nhì thành 3 nhóm có tên gọi như sau: người Hà Nhì Cò Chồ (sinh sống ở thung lũng thấp), người Hà Nhì La Mí (sinh sống ở vùng cao) và người Hà Nhì Đen. Căn cứ vào đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa cộng đồng người Hà Nhì được chia thành 2 nhóm: Hà Nhì Hoa (gồm Hà Nhì Cò Chồ và Hà Nhì La Mí) và Hà Nhì Đen.

1.1.1.2. Giới thiệu khái quát về người Hà Nhì ở Trung Quốc

Theo số liệu của cuộc điều tra dân số lần thứ sáu của Trung Quốc năm 2010, tổng dân số người Hà Nhì là hơn 1.660.932 người. Khu vực cư trú của dân tộc Hà Nhì hiện nay chủ yếu nằm giữa sông Nguyên Giang (thượng nguồn sông Hồng phía Trung Quốc) và sông Lan Thương (tức sông Mê Công ở Trung Quốc) thuộc miền Nam tỉnh Vân Nam, là vùng núi ở giữa dãy núi Ai Lao và dãy núi Mông Lạc.

Người Hà Nhì ở Trung Quốc gồm có 7 nhóm chính có tên gọi cụ thể là nhóm Hà Nhì (hā ní), nhóm Nhã Nhì (yǎ ní), nhóm Bích

Ước (bì yuē), nhóm Ca Đa (kǎ duō), nhóm Nga Nộ (é nǚ), nhóm Hào Nhi (háo ní) và nhóm Bạch Hồng (bái hóng).

Về mặt ngôn ngữ, các nhà ngôn ngữ học Trung Quốc xếp tiếng Hà Nhi thuộc nhóm ngôn ngữ Di, nhánh ngôn ngữ Tạng - Miến của họ ngôn ngữ (ngữ hệ) Hán - Tạng. Tiếng Hà Nhi không có chữ viết cổ truyền của mình. Các chuyên gia dựa vào đặc điểm ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp của tiếng Hà Nhi, xây dựng phương án chữ viết cho tiếng Hà Nhi. Theo đó, người ta lấy ngữ âm tiếng Hà Nhi ở Đại Trại huyện Lục Xuân châu Hồng Hà làm ngữ âm tiêu chuẩn và dùng chữ cái Latinh tương ứng với ngữ âm để đặt chữ viết.

1.1.1.3. Nhận xét về địa lý cư trú của người Hà Nhi ở Việt Nam và Trung Quốc

Địa bàn các tỉnh Lào Cai, Lai Châu và Điện Biên của Việt Nam là những tỉnh thuộc biên giới nên những tỉnh này có đường biên giới với châu Hồng Hà nói riêng và đường biên giới với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc nói chung. Nói một cách khác, địa bàn cư trú của cộng đồng người Hà Nhi ở Việt Nam và Trung Quốc rất có thể chỉ là sự khác biệt (phân biệt) về biên giới quốc gia nhưng gần như có tính liên tục về điều kiện địa lý.

1.1.2. Về địa bàn nghiên cứu ở Việt Nam và Trung Quốc

1.1.2.1. Giới thiệu về xã Thu Lũm huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu Việt Nam

Xã Thu Lũm là một xã ở phần phía bắc nhất của huyện Mường Tè, phía tây và bắc tiếp giáp với hương Bình Hà (平河) thuộc huyện Lục Xuân châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Còn phía đông bắc là hương Giả Mễ (者米) nhưng thuộc huyện Kim Bình của châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Phía nam Thu Lũm là xã Ka Lăng của huyện Mường Tè; như vậy, trên đại thể Thu Lũm là một xã

mà địa bàn ba mặt (đông, tây, bắc) đều giáp với Trung Quốc. Dân số của xã gồm 440 hộ với 2.323 nhân khẩu thuộc 05 dân tộc cùng sinh sống. Trong đó, dân tộc Hà Nhì có 362 hộ với 1.932 khẩu, chiếm 83,16%; là địa bàn xã thuần người Hà Nhì ở Việt Nam.

1.1.2.2. Giới thiệu về huyện Lục Xuân tỉnh Vân Nam Trung Quốc

Huyện Lục Xuân phía Đông Nam giáp với tỉnh Lai Châu, trong đó có huyện Mùông Tề, của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam với đường biên giới dài khoảng 153km. Huyện Lục Xuân là vùng DTTS của châu Hồng Hà; ở đây có 17 DTTS sinh sống, riêng dân tộc Hà Nhì có 210.210 người, chiếm 87,63%; huyện Lục Xuân là nơi cư trú tập trung nhất của người Hà Nhì ở Trung Quốc.

1.1.3. Những kết quả chính về nghiên cứu tiếng Hà Nhì

1.1.3.1. Tình hình nghiên cứu tiếng Hà Nhì ở Việt Nam

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu tiếng Hà Nhì ở Việt Nam, chúng tôi xin có một vài nhận xét sau đây. Thứ nhất, hầu như các nghiên cứu ngôn ngữ đã có đều lấy đối tượng nghiên cứu tập trung vào tiếng Hà Nhì thổ ngữ Mù Cả sinh sống ở tỉnh Lai Châu. Thứ hai, cả nghiên cứu của nhóm dân tộc học cũng như của nhóm ngôn ngữ học đều chưa cung cấp thông tin đầy đủ về tuổi tác của cộng tác viên cung cấp tư liệu để có được một góc nhìn đầy đủ về chất lượng tư liệu dùng để phân tích. Thứ ba, nếu như chỉ thống nhất ở nhận xét “ngôn ngữ chỉ có âm tiết mở”, thì ở mỗi nhóm tác giả danh sách âm vị của hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì cũng không giống nhau. Cuối cùng, như chúng ta đều nhận biết, những kết quả nghiên cứu đó chủ yếu sử dụng phương pháp miêu tả ngữ âm đồng đại bằng thính giác và cũng chưa chú ý có sự so sánh với tiếng Hà Nhì ở Trung Quốc. Đồng thời, như đã được tóm tắt ở trên, trong mỗi tác giả số lượng

các âm vị ngữ âm trong tiếng Hà Nhì cũng có sự không thống nhất. Như vậy, những nhận xét mà chúng tôi rút ra ở trên sau khi phân tích kết quả nghiên cứu về tiếng Hà Nhì ở Việt Nam sẽ giúp cho chúng tôi bổ sung trong nghiên cứu của luận án.

1.1.3.2. Những nét chính về tình hình nghiên cứu tiếng Hà Nhì ở Trung Quốc

Khi xem xét tổng quát về những nghiên cứu liên quan đến tiếng Hà Nhì/Akha đã có thì chúng ta thì sẽ thấy ở Trung Quốc Hà Nhì là một trong những dân tộc có nhiều nhóm địa phương khác nhau, gồm các nhóm như Hà Nhì (hā ní), Hào Nhì (háo ní), Bích Ước (bì yuē), Bạch Hồng (bái hóng), Oa Nhì (wō ní), Akha, Akeu, v.v. Trong đó, tiếng Akha chỉ được các học giả Trung Quốc coi như một nhóm địa phương của Hà Nhì. So với cách phân tích phương Tây, khác biệt lớn nhất với các nhà ngôn ngữ học Trung Quốc là về vấn đề xếp loại và phân chia phương ngữ của tiếng Hà Nhì/Akha. Suy cho cùng, các học giả có quan điểm khác về xếp nhóm và phân chia phương ngữ của tiếng Hà Nhì có lẽ là do tiêu chuẩn phân định ngôn ngữ và phương ngữ khác nhau. Tuy nhiên, các học giả đó dường như có một điểm chung là nhận thấy tiếng Hà Nhì ở Đại Trại của huyện Lục Xuân là một thổ ngữ tiêu biểu cho tiếng Hà Nhì ở Trung Quốc.

1.2. Cơ sở lý luận trong tác nghiệp của luận án

1.2.1. Cơ sở lý thuyết trong miêu tả ngữ âm tiếng Hà Nhì Thu Lũm

1.2.1.1. Âm tiết và những yếu tố cấu thành thành âm tiết

Khi định nghĩa về âm tiết của ngôn ngữ, trên nguyên tắc, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học đều xuất phát từ hai kiểu lý giải khác nhau. Và vì thế, trong luận án này, chúng tôi xin được tiếp nhận một quan niệm về âm tiết như sau: *Trong ngôn ngữ, âm tiết là đơn vị cơ*

bản nhỏ nhất của ngữ âm để tạo nên lời nói. Trong ngữ đoạn, âm tiết bao gồm một nguyên âm làm nên đỉnh của âm tiết và xung quanh nó là các phụ âm.

Lý thuyết ngữ âm trong nghiên cứu âm tiết tiếng Việt mà Đoàn Thiện Thuật và Nguyễn Quang Hồng phân tích đã cho biết, về đoạn tính, một âm tiết trong ngôn ngữ nói chung và trong tiếng Việt nói riêng có thể được phân chia ra những thành phần gồm âm đầu (initials) là những phụ âm (consonants) và phần vần (rhymes) bao gồm những nguyên âm (vowels) và có thể cả các phụ âm.

1.2.1.2. Những đơn vị siêu đoạn trong nghiên cứu ngữ âm

Yếu tố siêu đoạn tính cấu tạo âm tiết trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm gồm thanh điệu.

1.2.1.3. Các yếu tố đoạn tính cấu tạo âm tiết trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm

Các yếu tố đoạn tính cấu tạo âm tiết trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm gồm những phụ âm và nguyên âm đảm nhiệm.

1.2.2. Cơ sở lý thuyết khi nhận diện âm vị trong tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm

1.2.2.1. Nhận diện âm vị trong ngôn ngữ bằng bối cảnh ngữ âm đồng nhất

“Bối cảnh đồng nhất là những bối cảnh trong đó hai âm đang xét đều xuất hiện trong một “khuôn” y hệt nhau, tức là đứng trước những âm như nhau và đứng sau những âm như nhau”

1.2.2.2. Thao tác nhận diện âm vị theo bối cảnh ngữ âm đồng nhất

Để nhận diện các âm vị của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm, trong luận án, chúng tôi sẽ thực hiện theo thao tác nhận diện âm vị trong bối cảnh ngữ âm đồng nhất như sau.

Một nhóm âm tố cùng trong một ngôn ngữ			
Có xuất hiện trong bối cảnh ngữ âm đồng nhất không? (phù hợp nguyên tắc phân bố bổ sung không?)			
Có (không phù hợp nguyên tắc bổ sung)		Không (phù hợp nguyên tắc bổ sung)	
Có khu biệt ý nghĩa không?(phù hợp nguyên tắc đối lập không?)		Phát âm tương tự không? (phù hợp nguyên tắc tương tự không?)	
Có (phù hợp nguyên tắc đối lập)	Không (không phù hợp nguyên tắc đối lập)	Có (phù hợp nguyên tắc tương tự)	Không (không phù hợp nguyên tắc tương tự)
Kết luận 1: Âm vị khác nhau	Kết luận 2: Biến thể tự do của một âm vị	Kết luận 3: Biến thể kết hợp của một âm vị	Kết luận 4: Âm vị khác nhau

1.2.2.3. Những tiêu chí đối lập âm vị học được sử dụng trong miêu tả

Khi miêu tả một nguyên âm, điều quan trọng là xác định ba nét đặc trưng cơ bản là độ cao của lưỡi (cao hay thấp; kèm theo là độ mở của miệng), vị trí của lưỡi (trước hay sau), độ tròn của môi (tròn môi hay không tròn môi). Đồng thời, khi miêu tả ngữ âm cũng có thể dùng thêm những đặc trưng âm học khác như độ căng/lơi, trường độ ngắn/dài, tính chất mũi hóa v.v.

Còn khi miêu tả một phụ âm thì đương nhiên phải chỉ ra được ba nét đặc trưng chính là vị trí cấu âm, phương thức cấu âm và tính thanh của phụ âm. Cùng với đó, có một số nét đặc trưng cấu âm bổ sung khác như ngạc hóa, mạc hóa, yết hầu hóa, môi hóa, bật hơi v.v. cũng có thể được sử dụng.

1.3 Tiểu kết của chương 1

Thứ nhất, xét về địa bàn cư trú cũng như lịch sử phát triển, cộng đồng người Hà Nhì ở Việt Nam và ở Trung Quốc đã thể hiện một

khả năng là trước đây cộng đồng tộc người giữa hai quốc gia có nhiều mối liên hệ. Chính vì thế, việc miêu tả tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm là cần thiết và hữu ích.

Thứ hai, miêu tả thổ ngữ tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm không chỉ là mô tả thêm một thổ ngữ mới ở Việt Nam mà còn là mô tả một thổ ngữ tiếng Hà Nhì có địa bàn cư trú “nối liền” với địa bàn cư trú của người Hà Nhì ở Lục Xuân châu tự trị Hà Nhì - Di Hồng Hà, một địa bàn cư trú chính và tập trung của người Hà Nhì ở Trung Quốc.

Thứ ba, nghiên cứu ngữ âm là công việc đầu tiên và tất yếu đối với việc nghiên cứu bất cứ ngôn ngữ nào, nhất là đối với một ngôn ngữ DTTS như tiếng Hà Nhì ở Việt Nam. Lý luận nghiên cứu ngữ âm ngôn ngữ ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc đều thống nhất rằng trong nhận diện hệ thống âm vị của một ngôn ngữ người nghiên cứu phải sử dụng “bối cảnh ngữ âm đồng nhất” để phân xuất các âm vị. Đây cũng là thao tác nhận diện âm vị trong hệ thống ngữ âm khi nghiên cứu ngữ âm tiếng Hà Nhì Thu Lũm.

CHƯƠNG 2

ÂM TIẾT VÀ HỆ THỐNG PHỤ ÂM TIẾNG HÀ NHÌ Ở THỔ NGỮ THU LŨM HUYỆN MƯỜNG TÈ TỈNH LAI CHÂU

2.1. Âm tiết của tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm

2.1.1. Cấu trúc âm tiết của tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm

Âm tiết trong tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm luôn là âm tiết mở (open); đồng thời các thành tố cấu thành âm tiết được sắp xếp theo một thứ bậc duy nhất và có thể thể hiện theo sơ đồ tổng quát như sau.

Cấu trúc âm tiết trong tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm

Thanh điệu	
Phụ âm làm âm đầu	Nguyên âm làm phần vần

2.1.2. Cấu trúc âm tiết tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm liên hệ với thổ ngữ Mù Cả

Tư liệu của nhóm Tạ Văn Thông thể hiện kiểu âm tiết thổ ngữ Mù Cả có đầy đủ ba thành phần là âm đầu, vần và thanh điệu. Và kết quả mô tả của J. Edmondson ở thổ ngữ Mù Cả cho rằng kiểu âm tiết không có đầy đủ ba thành phần mà gồm có nguyên âm làm phần vần và thanh điệu. Kết quả mô tả của J. Edmondson ở thổ ngữ Mù Cả và của chúng tôi ở thổ ngữ Thu Lũm như đã được miêu tả.

2.2. Hệ thống phụ âm làm âm đầu âm tiết của tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm

2.2.1. Danh sách phụ âm làm âm đầu âm tiết tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm

Toàn bộ tư liệu điền dã cho phép chúng tôi phân tích và xác định được một danh sách 27 phụ âm đầu của tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm như p, b, t, d, k, g, p^h, t^h, k^h, ts, dz, te, dz, ts^h, tɛ^h, m, n, ɲ, ŋ, l, l^h, s, z, ɕ, j, x, ʎ.

2.2.2. Các cặp “bối cảnh ngữ âm đồng nhất” dùng để nhận diện các âm vị

2.2.2.1. Những ví dụ minh họa về các cặp tối thiểu

Đối với vị trí cấu âm *môi môi*, phụ âm /p/ có thể xác định được 86 cặp từ có bối cảnh đồng nhất; phụ âm /b/ có thể xác định được 139 trường hợp cặp từ có bối cảnh ngữ âm đồng nhất; phụ âm /p^h/ có 106 trường hợp; phụ âm /m/ có 116 trường hợp.

Ở vị trí cấu âm *môi răng*, phụ âm /ts/ thể xác định được 177 cặp từ có bối cảnh ngữ âm đồng nhất; phụ âm /ts^h/ có 138 trường hợp; phụ âm /dz/ có 56 trường hợp bối cảnh ngữ âm đồng nhất; phụ âm

/s/ có 168 trường hợp; và phụ âm /z/ có 38 trường hợp có bối cảnh ngữ âm đồng nhất.

Trong khi đó, ở vị trí cấu âm *lợi* phụ âm /t/ có 104 trường hợp bối cảnh ngữ âm đồng nhất; phụ âm /t^h/ có 83 trường hợp; phụ âm /d/ có 99 trường hợp; phụ âm /n/ có 94 trường hợp; phụ âm /l/ xác định được 106 trường hợp có bối cảnh ngữ âm đồng nhất; và phụ âm /l^h/ có 53 trường hợp.

Còn ở vị trí cấu âm *ngạc cứng*, phụ âm /te/ có 59 trường hợp có bối cảnh ngữ âm đồng nhất; phụ âm /te^h/ có 29 trường hợp; phụ âm /dz/ có 29 trường hợp; phụ âm /ɲ/ có 56 trường hợp; phụ âm /ɛ/ chỉ có 26 trường hợp; và phụ âm /j/ có 133 trường hợp.

Cuối cùng, đối với vị trí cấu âm *ngạc mềm* phụ âm /k/ có 68 trường hợp xác định được cặp từ có bối cảnh ngữ âm đồng nhất; phụ âm /k^h/ có 125 trường hợp; phụ âm /g/ có 69 trường hợp; phụ âm /ŋ/ có 78 trường hợp; phụ âm /x/ có 71 trường hợp; và phụ âm /ɣ/ xác định được 102 trường hợp có cặp từ bối cảnh ngữ âm đồng nhất.

2.2.3. Phụ âm đầu thổ ngữ Thu Lũm trong sự liên hệ với thổ ngữ Mù Cả

2.2.3.1. Sự khác biệt giữa những tác giả miêu tả về thổ ngữ Mù Cả

Về âm tiết, âm tiết của tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm và Mù cả đều là *âm tiết mở*, nhưng khác về nhận xét kiểu âm tiết, qua nghiên cứu của nhóm Tạ Văn Thông xác nhận tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Mù Cả “cả ba bộ phận của âm tiết đều phải luôn luôn có mặt”; và mô tả của chúng tôi nhận diện yếu tố phụ âm đầu (C) có thể vắng mặt trong âm tiết.

Về danh sách các đơn vị phụ âm làm âm đầu âm tiết ở thổ ngữ Thu Lũm do chúng tôi xác lập và ở thổ ngữ Mù Cả do nhóm Tạ Văn

Thông nhận diện thì số lượng cũng khác nhau và số vị trí cấu âm cũng khác nhau. Cụ thể, ở thổ ngữ Mù Cả nhóm Tạ Văn Thông xác lập một danh sách gồm 29 đơn vị phụ âm (tương tự như danh sách của Lương Bền); trong khi đó số lượng đơn vị phụ âm ở Thu Lũm do chúng tôi xác định chỉ có 27 đơn vị, ít hơn hai đơn vị phụ âm.

2.3. Âm tiết và hệ thống phụ âm đầu ở Thu Lũm liên hệ với thổ ngữ Đại Trại

2.3.1. Âm tiết ở Thu Lũm liên hệ với thổ ngữ Đại Trại

Nhận xét thứ nhất mà chúng ta có thể nêu ra là tất cả các âm tiết của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm cũng như của tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Đại Trại đều là âm tiết mở.

Nhận xét thứ hai là nhận xét liên quan đến cấu trúc âm tiết của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm và ở Đại Trại là đều có hai kiểu cấu trúc âm tiết là V/T và CV/T.

2.3.2. Hệ thống phụ âm đầu ở Thu Lũm liên hệ với thổ ngữ Đại Trại

Theo kết quả nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ học Trung Quốc, tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Đại Trại có tất cả 31 phụ âm làm nhiệm vụ âm đầu. Đó là các phụ âm /p/, /ph/, /b/, /m/, /pj/, /phj/, /bj/, /mj/, /f/, /ts/, /tsh/, /dz/, /s/, /z/, /t/, /th/, /d/, /n/, /l/, /tɕ/, /tɕh/, /dz/, /j/, /ɕ/, /j/, /k/, /kh/, /g/, /ŋ/, /x/, /y/. Trong đó, các nhà ngôn ngữ học Trung Quốc cho biết phụ âm /f/ chỉ xuất hiện ở từ mượn tiếng Hán.

2.4. Tiểu kết của chương 2

Những nội dung chi tiết trình bày trong chương 2 cho phép chúng ta có thể rút ra một vài nhận xét có tính tiểu kết như sau.

Thứ nhất, có thể khẳng định âm tiết của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm có cấu trúc mở (CV/T). Cụ thể, mỗi âm tiết chỉ có ba thành phần là phụ âm (C) làm âm đầu, nguyên âm (V) làm thành phần vần

của âm tiết và thanh điệu (T). Trong đó có những âm tiết trong từ đa tiết chỉ hiện diện nguyên âm và thanh điệu (V/T).

Thứ hai, về số lượng âm vị phụ âm trong hệ thống của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm là 27 đơn vị.

CHƯƠNG 3

HỆ THỐNG NGUYÊN ÂM VÀ THANH ĐIỀU CỦA TIẾNG HÀ NHÌ Ở THU LŨM HUYỆN MUỒNG TÈ TỈNH LAI CHÂU

3.1. Nguyên âm của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm

3.1.1. Về hệ thống nguyên âm của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm

3.1.1.1. Danh sách nguyên âm trong tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm

Tư liệu điền dã thu được cho phép chúng tôi phân tích và đề nghị xác định một danh sách 15 nguyên âm làm âm chính của âm tiết trong tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm. Trên cơ sở 08 nguyên âm cơ sở là /i/ /ø/ /;/ /a/ /w/ /u/ /o/ /ɔ/ đó, do có sự đối lập theo tiêu chí *nguyên âm căng* (tense vowels) và *nguyên âm lỏng* (non-tense vowel, lax vowels) của các cặp /i/ /;/ /a/ /w/ /u/ /ɔ/ cùng với 03 nguyên âm /ø/ /o/ và /ũ/ là những nguyên âm không có sự đối lập này.

3.2.1.2. *Thanh điệu tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm và tiếng Hà Nhì ở Mù Cả*

Mô tả của chúng tôi đề xuất hệ thống thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm có 3 âm vị: thanh 55, thanh 33 và thanh 31. Nhưng hệ thống thanh điệu tiếng Hà Nhì ở Mù Cả do nhóm Tạ Văn Thông miêu tả có 4 đơn vị là thanh 45, thanh 33, thanh 32 và thanh 21. Với

sự khác biệt về số lượng như thể chúng ta có thể thấy trong tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm và ở Mù Cả chỉ có thanh 1 (thể hiện cách ghi 33) là như nhau (âm vực trung bình, đường nét âm điệu bằng phẳng, không lên xuống gì từ đầu đến cuối). Còn lại, hai thanh 2 (cách ghi 55/45) và thanh 3, về cơ bản, là giống nhau. Trong khi đó, trong tiếng Hà Nhì ở Mù Cả có thanh 4 (cách ghi là 21) là thanh không được chúng tôi ghi nhận trong thổ ngữ Hà Nhì ở Thu Lũm.

3.2.2. Thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm và thổ ngữ Đại Trại

3.2.2.1. Thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Đại Trại

Theo mô tả của giới ngôn ngữ học Trung Quốc (BN Tùng 2014), tiếng Hà Nhì ở Đại Trại có 4 thanh bao gồm thanh cao bình (được kí hiệu là 55), thanh trung bình (được kí hiệu là 33), thanh trung bình - xuống (được kí hiệu là 31) và thanh thấp - lên (được kí hiệu là 24). Trong số đó, các thanh 55, 33, 31 là những thanh điệu xuất hiện ở những từ được cho là thuần tiếng Hà Nhì; trong khi đó thanh 24 chỉ xuất hiện ở những từ mượn của tiếng Hán hiện đại). Do đó, có thể cho rằng thanh 4 (24) nhiều khả năng là thanh được vay mượn về sau. Dưới đây là sơ đồ thể hiện âm vực và đường nét của 4 thanh điệu trong tiếng Hà Nhì Đại Trại.

3.2.2.2. So sánh thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm và Đại Trại

Tóm lại, 3 âm vị thanh điệu là thanh 1, thanh 2 và thanh 3 trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm và Đại Trại, về cơ bản, là hoàn toàn tương ứng với nhau. Sự có mặt của thanh 24 trong tiếng Hà Nhì Đại Trại, như đã trình bày ở trên, chỉ xuất hiện trong từ mượn của tiếng Hán. Như vậy, với sự hiện diện của ba thanh ở tiếng Hà Nhì Thu Lũm và sự tương ứng của chúng với nhau là một đặc điểm rất đáng

chú ý. Tình trạng này một lần nữa cung cấp tư liệu để xác nhận, nhiều khả năng ban đầu trạng thái thanh điệu của tiếng Hà Nhì chỉ là ba thanh. Nhưng sau đó, ở môi trường tiếp xúc với tiếng Hán, tiếng Hà Nhì Đại Trại đã vay mượn thanh thứ tư cho những từ vay mượn tiếng Hán. Do đó, ở trạng thái đồng đại hiện nay, tiếng Hà Nhì ở Đại Trại là một ngôn ngữ bốn thanh, khác với tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm.

3.3. Tiểu kết chương 3

Những nội dung miêu tả ở trên cho phép chúng ta có thể đưa ra một vài nhận xét như sau về nguyên âm và thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm.

Thứ nhất, tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm là một ngôn ngữ có thống âm vị nguyên âm với 15 đơn vị và hệ thống 03 thanh điệu đối lập theo âm vực cao (thanh 2) - trung bình (thanh 1 và thanh 3) và đường nét bằng (thanh 1, thanh 2) - đi xuống (thanh 3). Trong tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm, 15 âm vị nguyên âm giữ vai trò là âm chính của âm tiết và không thấy xuất hiện nguyên âm đôi (diphthong).

Thứ hai, hệ thống nguyên âm và thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm (Việt Nam) và tiếng Hà Nhì ở Đại Trại (Trung Quốc) có sự tương ứng như sau: hệ thống âm vị nguyên âm ở cả hai thổ ngữ đều vắng mặt nguyên âm dòng giữa và đều sử dụng nét đối lập căng (tense) và lỏng (non-tense, lax) để nhận diện âm vị nguyên âm; thanh 1 (33), thanh 2 (55) và thanh 3 (31) về cơ bản là tương ứng như nhau cả về âm vực và đường nét.

Thứ ba, hệ thống nguyên âm và thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm (Việt Nam) và tiếng Hà Nhì ở Đại Trại (Trung Quốc) có sự khác biệt như sau: thổ ngữ Thu Lũm có hệ thống âm vị nguyên âm

với 15 đơn vị và hệ thống thanh điệu 03 đơn vị, nhưng tiếng Hà Nhì ở Đại Trại có tới 26 âm vị nguyên âm và 04 âm vị thanh điệu. Trong số những khác biệt đó, nổi bật nhất là thổ ngữ Hà Nhì ở Thu Lũm không thấy hiện diện 06 nguyên âm đôi/ie, ia, io, iΦ, ue, ua/ và thanh 4 (được ghi là thanh 24) như ở thổ ngữ Đại Trại.

KẾT LUẬN

Những nội dung đã trình bày trong luận án cho phép có thể rút ra những nhận xét có giá trị kết luận như sau.

1. Căn cứ vào địa bàn cư trú hiện nay cũng như lịch sử phát triển đã được ghi nhận, rất có thể cộng đồng người Hà Nhì ở Việt Nam và ở Trung Quốc trước đây là một cộng đồng tộc người nhưng sinh sống giữa hai quốc gia láng giềng. Vì thế, việc miêu tả tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm là cần thiết không chỉ đối với việc nghiên cứu ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam mà cần thiết trong sự liên hệ với tiếng Hà Nhì ở Trung Quốc, để góp phần làm sáng tỏ thêm về bức tranh ngôn ngữ văn hóa cộng đồng người Hà Nhì ở khu vực Đông Nam Á và phần phía nam Trung Quốc.

Chúng ta biết rằng, nếu như ở Trung Quốc đã có rất nhiều những nghiên cứu khác nhau về tiếng Hà Nhì thì ở Việt Nam những nghiên cứu về ngôn ngữ học đối với ngôn ngữ DTTS này vừa không nhiều, lại tập trung chủ yếu mô tả ngôn ngữ ở địa bàn Mù Cả thể hiện ở mô tả của học giả Lương Bền, của nhóm Tạ Văn Thông và của J. Edmondson. Cho nên, nhằm góp thêm những hiểu biết về tiếng Hà Nhì ở Việt Nam, nghiên cứu sinh đã lựa chọn một thổ ngữ khác với thổ ngữ Mù Cả là thổ ngữ tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm. Như vậy, miêu tả thổ ngữ tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm không chỉ đơn thuần

mô tả thêm một thổ ngữ mới ở Việt Nam mà, do vị trí địa lý của thổ ngữ, còn là việc mô tả một thổ ngữ có địa bàn cư trú liên tục với địa bàn cư trú của người Hà Nhì ở Lục Xuân thuộc châu tự trị Hà Nhì - Di Hồng Hà là địa bàn cư trú tập trung của người Hà Nhì ở Trung Quốc.

Đối với một ngôn ngữ DTTS như tiếng Hà Nhì ở Việt Nam nghiên cứu ngữ âm là công việc đầu tiên và tất yếu. Cơ sở lý luận trong nghiên cứu ngữ âm một ngôn ngữ ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc đều thống nhất rằng để nhận diện hệ thống âm vị của ngôn ngữ người ta phải xác lập những cặp từ có “bối cảnh ngữ âm đồng nhất” để phân xuất âm vị. Khi nghiên cứu ngữ âm tiếng Hà Nhì Thu Lũm, nghiên cứu sinh sẽ trước hết nhận diện các *hình tiết* được thể hiện trong các *âm tiết* của ngôn ngữ; rồi sau đó, trên cơ sở những âm tiết đã được nhận diện, xác lập các yếu tố ngữ âm có giá trị âm vị trong tiếng Hà Nhì.

2. Kết quả phân tích và miêu tả cho thấy âm tiết của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm có cấu trúc mở CV/T. Theo đó, âm tiết chỉ có ba thành phần là *phụ âm* (C) làm âm đầu, *nguyên âm* (V) làm phần vần và *thanh điệu* (T). Trong khi đó trong từ đa tiết đôi khi âm tiết chỉ hiện diện nguyên âm và thanh điệu (V/T). Khi đối chiếu cấu trúc âm tiết tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm (Việt Nam) và Đại Trại (Trung Quốc), ở cả hai thổ ngữ này đều hiện diện cấu trúc CV/T và V/T. Sự khác nhau giữa hai thổ ngữ là tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm cấu trúc V/T chỉ xuất hiện khi âm tiết là thành phần của từ đa tiết; trong khi đó ở tiếng Hà Nhì Đại Trại, cấu trúc này xuất hiện ở cả từ đơn tiết lẫn từ đa tiết.

Số lượng âm vị phụ âm trong hệ thống của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm và ở Đại Trại là rất khác nhau. Theo đó, nếu như ở thổ ngữ Thu Lũm phụ âm làm âm đầu âm tiết chỉ có 27 đơn vị phụ âm (/p/, /p^h/,

/b/, /t/, /tʰ/, /d/, /k/, /kʰ/, /g/, /ts/, /tsʰ/, /dz/, /te/, /teʰ/, /dz/, /m/, /n/, /ɲ/, /ŋ/, /l/, /lʰ/, /s/, /z/, /ɛ/, /j/, /x/, /ɣ/) thì ở thổ ngữ Đại Trại, số lượng này lên tới 31 đơn vị (/p/, /ph/, /b/, /m/, /pj/, /phj/, /bj/, /mj/, /f/, /ts/, /tsh/, /dz/, /s/, /z/, /t/, /th/, /d/, /n/, /l/, /te/, /teh/, /dz/, /ɲ/, /ɛ/, /j/, /k/, /kh/, /g/, /ŋ/, /x/, /ɣ/), nhiều hơn ở thổ ngữ Thu Lũm 04 đơn vị. Còn nếu nhìn ở vị trí cấu âm thì ở thổ ngữ Thu Lũm các phụ âm đầu được xác định theo 05 vị trí cấu âm là môi - môi, môi - răng, lợi, ngạc cứng, ngạc mềm thì ở thổ ngữ Đại Trại các phụ âm đầu được xác định ở 07 vị trí cấu âm là môi - môi, *ngạc hóa*, môi - răng, *đầu lưỡi răng*, đầu lưỡi lợi, mặt lưỡi ngạc, gốc lưỡi mạc. Do giữa hai thổ ngữ có sự chênh lệch cả về số lượng đơn vị phụ âm cũng như vị trí cấu âm nên mỗi tương ứng giữa các phụ âm ở mỗi vị trí cấu âm của âm tiết tương ứng trong hai thổ ngữ là đa dạng và rất phức tạp.

3. Tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm là một ngôn ngữ có thống âm vị nguyên âm với 15 đơn vị (/i/, /i:/, /a/, /ɔ/, /u/, /u:/, /tɔ/, /i:/, /a:/, /ɔ:/, /u:/, /u:/, /ɔ:/, /ə/ /o/ và /ũ/). Theo đó, 15 âm vị nguyên âm nói trên là những đơn vị âm vị hành chức dựa trên 09 đơn vị *nguyên âm cơ sở* (primary cardinal vowel) có vị trí xác định trên hình thang cấu âm thuộc *hàng trước* (front) là /i/, /i:/, /a/ và *hàng sau* (back) là /u/, /u:/, /ũ/, /o/, /ɔ/. Trong tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Thu Lũm, 15 âm vị nguyên âm giữ vai trò là âm chính của âm tiết và trong ngôn ngữ không thấy xuất hiện nguyên âm đôi (diphthong). Còn về thanh điệu, tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm có hệ thống 03 thanh điệu đối lập theo âm vực *cao* (*thanh 2*, ký hiệu là 55) - *trung bình* (*thanh 1*, ký hiệu là 33 và *thanh 3*, ký hiệu là 32) và đường nét *bằng* (*thanh 1*, *thanh 2*) - *đi xuống* (*thanh 3*).

Khi so sánh hệ thống nguyên âm và thanh điệu giữa tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm (Việt Nam) với tiếng Hà Nhì ở Đại Trại (Trung

Quốc) sẽ thấy có những khác biệt và có những tương ứng. Rõ nhất là sự khác biệt về số lượng các âm vị nguyên âm và thanh điệu giữa hai thổ ngữ. Theo đó, ở thổ ngữ Thu Lũm ngôn ngữ có hệ thống âm vị nguyên âm với 15 đơn vị và hệ thống thanh điệu 03 đơn vị. Nhưng tiếng Hà Nhì ở Đại Trại có tới 26 âm vị nguyên âm và 04 âm vị thanh điệu. Sự khác biệt nổi bật nhất là thổ ngữ Hà Nhì ở Thu Lũm không thấy hiện diện 06 *nguyên âm đôi* /ie, ia, io, iΦ, ue, ua/ và *thanh 4* (được ghi là thanh 24) như ở thổ ngữ Đại Trại. Giới ngôn ngữ học Trung Quốc lý giải, sự hiện diện 06 *nguyên âm đôi* và *thanh 4* ở thổ ngữ Đại Trại là do chúng chỉ xuất hiện ở những từ được cho là vay mượn từ tiếng Hán.

Trong khi đó, giữa hệ thống nguyên âm và thanh điệu của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm (Việt Nam) và tiếng Hà Nhì ở Đại Trại (Trung Quốc) có sự tương ứng. Cụ thể là hệ thống âm vị nguyên âm ở cả hai thổ ngữ đều vắng mặt nguyên âm dòng giữa và đều sử dụng nét đối lập *căng* (tense) và *lỏng* (non-tense, lax) để nhận diện âm vị nguyên âm trong hành chức. Cho nên, ở thổ ngữ Thu Lũm với 09 đơn vị *nguyên âm cơ sở*, ngôn ngữ có 15 âm vị nguyên âm hành chức; còn ở thổ ngữ Đại Trại, 10 đơn vị *nguyên âm cơ sở* đã tạo nên 20 âm vị nguyên âm đơn trong hoạt động ngôn ngữ. Trong hệ thống thanh điệu của hai thổ ngữ, nếu loại trừ *thanh 4* (24) là thanh chỉ xuất hiện ở những từ gốc Hán ở thổ ngữ Đại Trại, thì các thanh gồm *thanh 1* (33), *thanh 2* (55) và *thanh 3* (31) về cơ bản là tương ứng như nhau cả về âm vực và đường nét.

4. Với kết quả mô tả hệ thống ngữ âm của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm và với những tương ứng và khác biệt như đã tóm tắt ở trên giữa hệ thống nguyên âm và thanh điệu của thổ ngữ Thu Lũm (ở Việt Nam) và thổ ngữ Đại Trại (ở Trung Quốc) nó cho phép chúng ta đưa

ra một nhận xét giả định. Đó là rất có thể trong cảnh huống ngôn ngữ tiếng Hán (tiếng Trung Quốc) là ngôn ngữ quốc gia, tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Đại Trại đã chịu những tác động là biến đổi hệ thống ngữ âm của ngôn ngữ. Sự hiện diện trong tiếng Hà Nhì ở thổ ngữ Đại Trại những nguyên âm đôi làm âm chính âm tiết và thanh điệu thứ 4 đã nói lên điều đó. Có lẽ cũng vì vậy mà sự tương ứng về phụ âm đầu trong các từ ở thổ ngữ Thu Lũm (Việt Nam) và thổ ngữ Đại Trại (Trung Quốc) là rất đa dạng và phức tạp.

Do điều kiện khách quan bất khả kháng, tư liệu của tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm do nghiên cứu sinh thu thập chưa được phúc kiểm, cho nên một vài kết quả mô tả có thể còn phải được kiểm chứng. Chẳng hạn như trong tiếng Hà Nhì Thu Lũm thực sự có tồn tại nét đối lập nguyên âm *căng* - *loi* hay không? Hay như *thanh 4* (21) trong tiếng Hà Nhì ở Mù Cả mà nhóm Tạ Văn Thông miêu tả phải chăng chỉ là *thanh 31* khi nguyên âm làm âm chính của âm tiết là nguyên âm *căng*? Hay như, trong tiếng Hà Nhì ở Thu Lũm có những từ vay mượn từ tiếng Việt hay vay mượn từ những ngôn ngữ của cư dân cộng cư trong vùng và chúng sẽ được xử lý như thế nào, v.v. Những thắc mắc này chỉ có thể được giải đáp nếu điều kiện khác quan cho phép chúng tôi được tiếp tục điều tra nghiên cứu tại địa bàn; đồng thời cùng với việc thu thập tư liệu có thể sử dụng những phân tích ngữ âm thực nghiệm để miêu tả cùng với những kết quả đã được nêu ra bằng cảm nhận thính giác.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. 越南哈尼语语音初探[J] (“Bước đầu tìm hiểu ngữ âm tiếng Hà Nhì Việt Nam”), 红河学院学报 (Học báo Học viện Hồng Hà), 2019 (4), tr.6-8.
2. So sánh hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhì xã Mù Cả huyện Mường Tè Lai Châu Việt Nam với tiếng Hà Nhì Đại Trại huyện Lục Xuân Vân Nam Trung Quốc, Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, tr.77-88.
3. Tìm hiểu đặc điểm và nội hàm văn hóa của từ xưng hô thân tộc trong tiếng Hà Nhì Việt Nam, Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống* (5), 94-101.
4. 越南哈尼语亲属称谓词初探[J] (“Bước đầu tìm hiểu từ xưng hô thân tộc trong tiếng Hà Nhì Việt Nam”), 红河学院学报 (Học báo Học viện Hồng Hà), 2021(6), tr.18-20.